

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM HYDRAULIC ENGINEERING
CONSULTANTS CORPORATION-JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 19/BC-HEC
No: 19/BC-HEC

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2022
Ha Noi, April 8th 2022

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT Thường niên năm /Year 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 0100103175
- Vốn điều lệ/Charter capital: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 44.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ đồng);
- Địa chỉ/Address: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại/Telephone: (024) 38525339/38522331;
- Số fax/Fax: (024) 35631169;
- Website: www.hec.com.vn;
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): HEJ
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
 - 06/04/1955: Phòng thiết kế đo đạc, tiền thân của HEC, thuộc Nha thủy lợi, Bộ Giao thông công chính (Thành lập theo Nghị định số 507-TTg của Hội đồng Chính phủ);
 - 09/06/1956: Cục Thiết kế thủy lợi, sau đó gọi là Cục Khảo sát thiết kế thủy lợi (Thành lập theo Nghị định số 922TTg do Phó Thủ tướng Phan Kế Toại ký);
 - 12/08/1961: Viện Thiết kế thủy lợi -Thủy điện (chuyển từ Cục Khảo sát thiết kế thành Viện theo Quyết định số 632 do Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực Trần Quý Kiên ký);



- 20/07/1976: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi (nhập Đoàn Khảo sát thủy lợi và các đoàn khảo sát thiết kế thủy lợi Trung Trung bộ và Nam bộ vào Viện Thiết kế thủy lợi-Thủy điện theo QĐ số 1015 QĐ/TL của Bộ Thủy lợi);

- 30/10/1989: Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi Quốc gia (Quyết định số 460QĐ/TC của Bộ Thủy lợi);

- 20/02/1993: Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi I (Quyết định số 66QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Thủy lợi);

- 06/09/1995: Công ty Tư vấn cây dựng Thủy lợi I (Quyết định số 79QĐ/TCCB của Bộ Thủy lợi về việc đổi tên Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi I thành Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I);

- 19/06/2007: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 1769/QĐ-BNN-ĐMDN về việc chuyển Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi I sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con);

- 15/10/2007: Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa công ty mẹ: Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam);

- 26/04/2008: Đại hội đồng cổ đông thành lập đã được tổ chức thành công và thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP;

- 09/06/2008: Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP (Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN về việc điều chỉnh tên gọi Tổng công ty cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam thành Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam-CTCP).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

+ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Mã ngành 7210.

- o Chi tiết: Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- o Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan: Mã ngành 7110.

- o Chi tiết: Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng; Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm định dự toán công trình; Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- o Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- o Thiết kế bao gồm: - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; - Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;

- o Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng;
- + Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 7490.
 - o Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
 - o Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- + Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8559.
 - o Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Mã ngành 5510.
 - o Kinh doanh khách sạn;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành 6810.
 - o Chi tiết: Cho thuê bất động sản, văn phòng;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Mã ngành 8299.
 - o Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- + In ấn: Mã ngành 1811.
 - o In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*:

+ Các tỉnh thành trong cả nước.

+ Các tỉnh thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

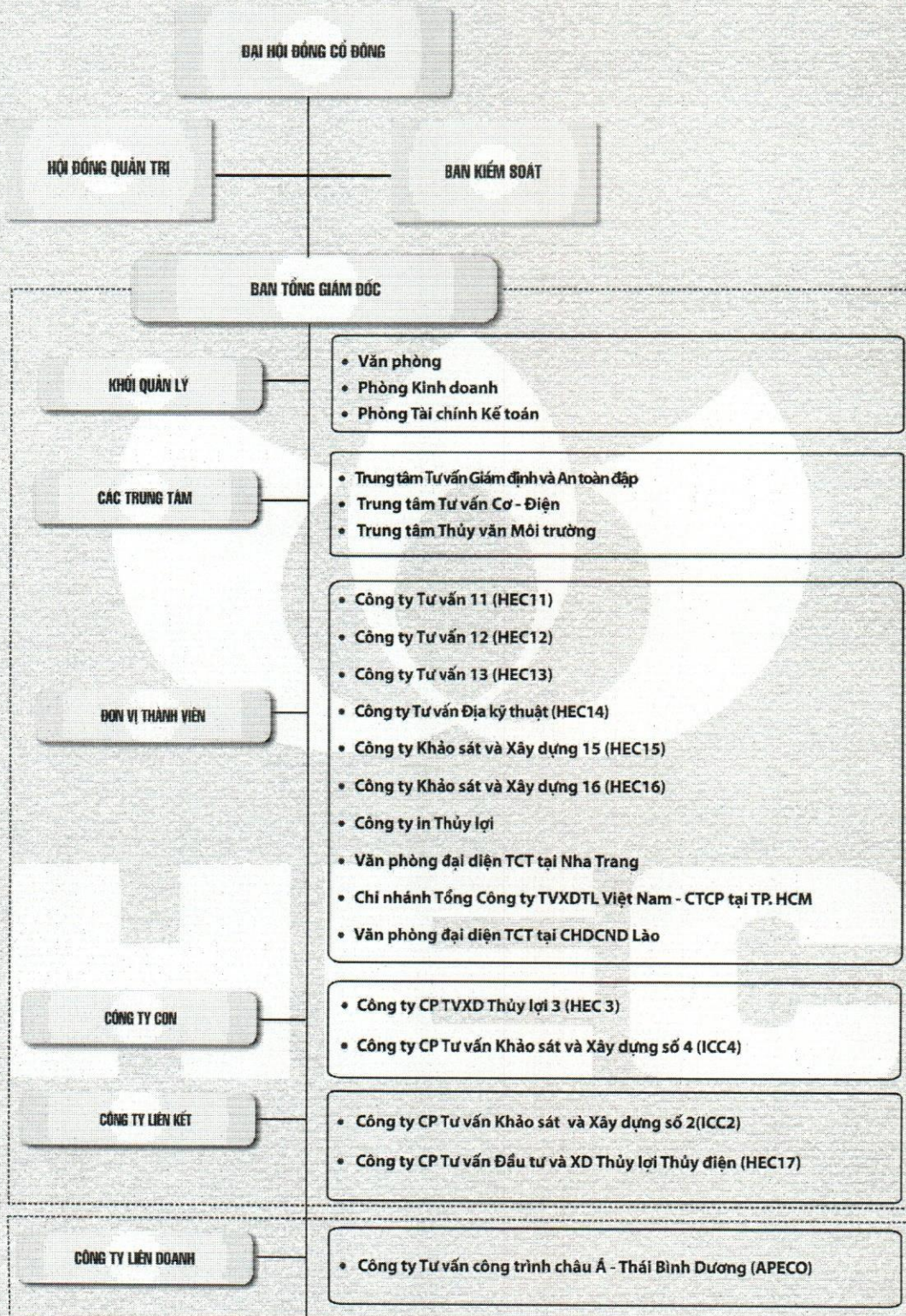
+ Mô hình quản trị của HEC bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc và thủ trưởng (Giám đốc, trưởng phòng) các đơn vị. Cơ cấu của HEC được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo công việc (dự án) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng giám đốc điều hành qua phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của đơn vị thông qua Phó TGĐ phụ trách và thủ trưởng các đơn vị.

+ HEC tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

Cơ cấu bộ máy quản lý của HEC được thể hiện như sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Ghi chú: Từ 15/11/2021 giải thể HEC12 và HEC 13 thành lập trung tâm tư vấn

- Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con,

công ty liên kết/Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).

(1) Công ty con:

| STT | Tên Công ty | Vốn Điều lệ (VNĐ) | HEC | |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|
| | | | Mức vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ vốn góp (%) |
| 1 | Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 4 (ICC4): - Địa chỉ: 44 Võ Thị Sáu – Thành phố Quảng Ngãi. - Điện thoại: 0255-3828449 - Email: icc4@hec.com.vn . - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình | 4.950.000.000 | 2.507.000.000 | 50,65 |
| 2 | Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi 3 (HEC3): - Địa chỉ: 30 Trịnh Phong-Nha Trang-Khánh Hoà - Điện thoại: 0258-3510228 - Fax: 0258-3510228 - Email: hec3@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình | 2.500.000.000 | 1.679.000.000 | 58,80 |
| Tổng Cộng: | | | 4.186.000.000 | |

(2) Công ty liên kết, liên doanh:

| STT | Tên Công ty | Vốn Điều lệ (VNĐ) | HEC | |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | | Mức vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ vốn góp (%) |
| 1 | Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và xây dựng số 2 (ICC2): - Địa chỉ: 50/3 Phường Trung Sơn-Thị xã Tam Điệp. - Điện thoại: 0229-3864006 Fax: 0229-3864306 - Email: icc2@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát xây dựng các công trình | 3.000.000.000 | 1.050.000.000 | 30,00 |
| 2 | Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư thủy lợi thủy điện (HEC17): - Trụ sở (địa chỉ): Tầng 3, 95/2 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội - Điện thoại: 024.62761103 - Fax: 024.62761125 Email: hec17@hec.com.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế xây dựng các công trình | 2.500.000.000 | 1.000.000.000 | 76,92 |

| | | | | |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------|-------|
| 3 | Liên doanh APECO: - Địa chỉ: P301 - D10 - Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (84 24) 37723805 - Fax: (84 24) 37723806 - Email: apeco@fpt.vn - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình | 6.800.000.000 | 1.367.999.306 | 20,10 |
| Tổng cộng: | | | 3.417.999.306 | |

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company.

- + Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam, nhà thầu tư vấn với đủ năng lực đấu thầu quốc tế.
- + Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh để tăng thêm nguồn thu; bổ sung ngành nghề kinh doanh : bất động sản; xây dựng nhà để ở, nhà không để ở; tư vấn môi giới bất động sản; xây dựng công trình điện, công trình cấp thoát nước; dịch vụ đào tạo.
- + Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động đang làm việc tại HEC cũng như thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.

- + Tham gia thực hiện các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và ODA giao cho các địa phương quản lý. Tiếp tục mở rộng thị trường vùng Đồng bằng Nam Bộ, các công trình phục vụ tiêu, chống ngập cho các thành phố lớn đặc biệt là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư các phần mềm tính toán, đào tạo cán bộ để tiếp cận được các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, các dự án thuộc nguồn vốn phòng chống thiên tai.
- + Kiện toàn lại mô hình tổ chức của HEC để phù hợp với nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, độc lập và đảm bảo mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn. Chiến lược này cũng chính là mục tiêu và chính sách chất lượng của HEC thể hiện trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

- + Xây dựng đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp.
- + Xây dựng chính sách trả lương thỏa đáng để tạo động lực gắn kết người lao động với Tổng công ty.
- + Tiếp tục giữ vững vị thế một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước tại Việt Nam.

5. Các rủi ro/Risks:

- Rủi ro về thị trường: Là những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HEC đến từ thị trường. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện, cải tạo nguồn nước mà đa phần công việc là phục vụ dân sinh kinh tế do Nhà nước làm chủ đầu tư. Nên khi có thay đổi chính sách dẫn đến thị trường bị thu hẹp sẽ chịu nhiều rủi ro do tạm dừng triển khai các dự án/công trình.

- Rủi ro về thanh toán: Đa phần các công trình mà HEC tham gia thực hiện là có vốn đầu tư từ ngân sách nên việc thanh quyết toán hết sức chậm. Các dự án lớn phải trên 10 năm mới hoàn thành việc thanh quyết toán. Một số các công trình mà chủ đầu tư là các công ty cổ phần thì việc thu hồi nợ rất khó khăn. Việc thanh toán không đúng tiến độ trong hợp đồng ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và kế hoạch đầu tư của HEC.

- Rủi ro về lãi suất: Rủi ro về việc thay đổi lãi suất của các Ngân hàng.

- Rủi ro về thuế: Tăng thuế đất nhiều và xu hướng còn tiếp tục tăng.

- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện tại, với việc dễ dàng trong thành lập các công ty tư vấn nên hầu hết các tỉnh thành, huyện đều có các công ty tư vấn với mô hình gọn nhẹ, quan hệ mật thiết với địa phương nên việc cạnh tranh rất khốc liệt. Tiêu chí lựa chọn nhà thầu tư vấn hiện nay chưa thiên về năng lực mà bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khác. Việc quản lý nhà nước về đấu thầu chưa thực sự đảm bảo công bằng, minh bạch do vậy vẫn còn tiếp diễn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu.

- Rủi ro về chính sách pháp luật: Thay đổi chính sách về lương tối thiểu của Nhà nước liên tục dẫn tới chi phí bảo hiểm xã hội tăng nhanh trong khi giá thiết kế không thay đổi, bất cập trong các chính sách về thuế đối với đặc thù ngành nghề tư vấn thủy lợi.

- Rủi ro về nhân sự: Trong lĩnh vực tư vấn, chất xám là tài sản cốt lõi quyết định đến sự thành hay bại của bất cứ doanh nghiệp tư vấn nào. Hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng có nhiều công ty tư vấn (trong và ngoài nước) hoạt động trên khắp các địa bàn trong cả nước với chính sách lương hấp dẫn, chế độ đãi ngộ tốt (mặc dù là không bền vững), ... thì việc di chuyển các cán bộ là chủ nhiệm dự án, cán bộ quản lý,... là một rủi ro lớn của của HEC. Việc tuyển dụng nhân sự đáp ứng được công việc rất khó khăn (sinh viên mới ra trường thường phải mất từ 2 đến 5 năm đào tạo thì mới có thể đáp ứng được công việc ở mức bình thường của người kỹ sư thiết kế).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

- + Tổng doanh thu : 77,416 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận trước thuế : 4,453 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế : 3,894 tỷ đồng;
- + Thu nhập bình quân tháng/NLĐ : 6,6 triệu đồng;

Nguồn thu nhập không có nhiều thay đổi so với những năm trước, doanh thu chính vẫn là từ khảo sát thiết kế các công trình.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:

Các mục tiêu được đề ra trong ĐHCĐ thường niên năm 2021 chưa hoàn thành về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả thực hiện năm 2020 | Kết quả thực hiện năm 2021 | Kế hoạch theo nghị quyết ĐHCĐ 2021 | Tỷ lệ so sánh với kế hoạch ĐHCĐ (%) |
|-----|--------------------|------------------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 101,084 | 77,416 | 102 | 75,5 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 4,410 | 3,894 | 7 | 55,7 |
| 3 | Tỷ lệ trả cổ tức | %/năm/CP | 7,5 | | 8 | |
| 4 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng/người | 6,8 | 6,6 | 7 | 94,3 |

Nguyên nhân chính sụt giảm doanh thu: không thu được tiền từ các chủ đầu tư như kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

Danh sách ban Tổng giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay | Mã CĐ | Số lượng cổ phần | | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|-----------------|-------------------|-------|------------------|----------|------------------|
| | | | | Cá nhân | Nhà nước | |
| 1 | Nguyễn Ngọc Lâm | Tổng giám đốc | | - | 646.800 | 14,70% |
| 2 | Võ Văn Lung | Phó Tổng giám đốc | | 2.124 | - | 0,00048% |
| | | | | - | 862.400 | 19,60% |
| 3 | Phan Kim Yến | Kế toán trưởng | | 4.700 | - | 0,00107% |
| Tổng cộng: | | | | | | 34.30155% |

Danh sách các cán bộ quản lý khác

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay | Mã CĐ | Số lượng cổ phần | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------|----------------------|-------|------------------|----------|-----------|
| | | | | Cá nhân | Nhà nước | |
| 1 | Đào Hoài Anh | TP Kinhdoanh | | 10 | - | |
| 2 | Lê Tuấn Anh | Chánh Văn phòng | | - | - | |
| 3 | Lê NhoThịnh | Giám đốc HEC11 | | 1.935 | - | 0,00044% |
| 4 | Mai XuânThành | Giám đốc HEC12 | | 78 | - | 0.00002% |
| 5 | Nguyễn Chí Trường | Giám đốc HEC13 | | | - | |
| 6 | Đỗ Ngọc Cương | Giám đốc HEC14 | | 4.300 | - | 0,00098% |
| 7 | Vũ vănTĩnh | Giám đốc HEC15 | | 1.200 | - | 0,00027% |
| 8 | Bùi Quốc Vinh | Giám đốc HEC16 | | | - | |
| 9 | Nguyễn Thúy Quỳnh | Giám đốc In thủy lợi | | 5.000 | - | 0,00114% |
| 10 | Trần Thị Phương Hào | Thư ký HĐQT | | | - | |

Ghi chú: Số lượng CP theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/12/2021

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

(a) **Ban điều hành**: không có thay đổi

(b) **Lãnh đạo các đơn vị**: không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

Tính đến hết ngày 31/12/2020, tổng số người lao động tại công ty Mẹ của HEC là: 245 người.

Tóm tắt các chính sách đối với người lao động tại Tổng công ty

+ Về tiền lương: Đã ban hành Quyết định 493/QĐ-HEC-VP ngày 18/7/2018 kèm theo Quy định Lương của Tổng công ty tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP; Quyết định 601/QĐ-HEC-VP ngày 30/8/2018 V/v sửa đổi, bổ sung Quy định Lương của TCT tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP (Lần thứ nhất); Quyết định 836/QĐ-HEC-VP ngày 07/12/2018 V/v trả lương cho người lao động trong TCT.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, HEC luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Ngoài ra, HEC đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người lao động trong việc học cao học, thi nâng bậc đối với công nhân nhằm tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Tiếp tục tổ chức các lớp học chủ nhiệm chuyên ngành, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài.

+ Về chính sách khen thưởng, kỷ luật: Để khuyến khích người lao động, HEC có chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó tháng 12/2013, HEC

cũng đã ban hành Quy định về xử lý kỷ luật lao động làm căn cứ để xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của HEC.

- + Công tác đời sống đối với người lao động HEC: luôn quan tâm, cố gắng đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập.
- + Trợ cấp khó khăn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. HEC xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.
- + Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động: HEC luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm một lần cho toàn thể người lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 01 năm trở lên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Chưa đầu tư dự án nào

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:

Số vốn đầu tư góp vốn vào 5 công ty là: 7,603 tỷ đồng. Kết quả đầu tư trong 05 năm gần nhất như sau (Tỉ lệ lãi suất đầu tư %):

| STT | Đơn vị | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | Ghi chú |
|-----|--------|------|------|------|-------|-------|-----------|
| 1 | APECO | 31 | 30 | 30 | 38,42 | 38,42 | |
| 2 | HEC3 | 12 | 25 | 25 | 20 | - | chưa ĐHCĐ |
| 3 | ICC4 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | |
| 4 | ICC2 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | |
| 5 | HEC17 | 8 | | 20 | - | - | chưa ĐHCĐ |

Vốn kinh doanh tại các công ty trên ổn định và có tăng trưởng.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/Year 2020 (đ) | Năm/Year 2021 (đ) | % tăng giảm/ %change |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản/Total asset | 138.953.520.599 | 128.144.941.755 | 92,8% |
| Doanh thu thuần/Net revenue | 96.198.312.653 | 71.792.091.756 | 74% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities | 1.796.738.136 | 1.0230061.599 | 58,9% |
| Lợi nhuận khác/Other profits | 3.214.481.396 | 3.430.364.809 | 106% |
| Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax | 5.011.210.532 | 4.453.426.408 | 88% |
| Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax | 4.410.710.214 | 3.894.672.251 | 86,4% |

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures:*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

| Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i> | Năm/Year 2010 | Năm/Year 2021 | Ghi chú/Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------|
| <p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p> | 1,58 lần | 1,69 lần | |
| <p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p> | 54,33% | 50,52% | |
| <p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p> | 4,45 vòng | 2,09 vòng | |
| <p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)</p> | 4,59 % | 5,42 % | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/ *Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay

bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: 4.400.000 CP
- Loại CP: phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

- Cổ đông nhà nước : 2.156.000 CP; do 03 cá nhân đại diện
- Cổ đông tổ chức : 12.000 CP

tổ chức công đoàn HEC

- Cổ đông lớn:

- + Số CP $\geq 1\%$ và $\leq 5\%$: 15
- + Số CP $\geq 5\%$ và $\leq 10\%$: 0
- + Số CP $\geq 10\%$: không có

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/12/2021)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:

Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:

Không có

e) Các chứng khoán khác/Other securities:

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

Hoạt động của Tổng công ty phân chia thành 2 lĩnh vực chính:

- Công việc thiết kế: làm việc tại văn phòng là chính, không có nhiều tác động xấu tới môi trường xã hội.

- Công việc khảo sát thực địa: có sử dụng xăng, dầu Diesel cho các máy bơm, máy khoan nhưng số lượng không đáng kể do vậy ảnh hưởng tới môi trường không lớn.

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Điện năng tiêu thụ 1 năm khoảng: 800.000 kwh

- Xăng, dầu tiêu thụ 1 năm khoảng: 100.000 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Không có

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước: hệ thống cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà Nội và các thành phố có trụ sở các chi nhánh.

Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt thông thường khoảng 6.000 m³/năm. Không sử dụng nước trong sản xuất khác.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 245 người.

- Lương bình quân: 6,6 triệu đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Chính sách sử dụng lao động tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và theo thỏa ước lao động tập thể.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Xây dựng và thực hiện các quy chế nội bộ, nội quy lao động và quy chế dân chủ cơ sở để người lao động thực hiện một cách rõ ràng, công khai.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện quy chế đào tạo. Khuyến khích người lao động tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và có chế độ khi đi học thỏa đáng. Ưu tiên hình thức tự đào tạo trong công việc thực hiện là chính. Đào tạo tập trung thành lớp theo từng chuyên đề khi có nhu cầu.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Các lớp đào tạo chủ nhiệm thiết kế; đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán; đào tạo tay nghề cho công nhân kỹ thuật, tổ chức thi nâng bậc công nhân.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

- Đóng góp về vật chất cho cộng đồng dân cư địa phương (nơi có trụ sở)
- Tại các công trình nơi thực hiện khảo sát thiết kế: xây dựng nhà tình nghĩa (tùy thuộc từng công trình và nhu cầu của địa phương).

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. /General analysis of company's operations against the previous operating targets and results.

Do đã phân tích trước được chủ trương đầu tư của Nhà nước đối với ngành thủy lợi, việc phân bổ nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn của Chính phủ nên đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp vì vậy sản lượng thực hiện không có nhiều thay đổi so với nghị quyết của hội nghị người lao động.

Về doanh thu: Doanh thu giảm so với năm 2020 do năm 2021 là năm bắt đầu của chu kỳ vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2021-2025 công việc phần lớn là lập báo cáo chủ trương đầu tư (chi phí rất thấp theo quy định của Bộ xây dựng và Chính phủ) thậm chí một số dự án còn không có chi phí. Nguồn thu từ các chủ đầu tư các công trình đã làm ít do thiếu vốn.

So với năm 2020, các chỉ tiêu như sau:

+ Doanh thu: 76,6%

+ Lợi nhuận: 86,49%

+Thu nhập người lao động: 94,3%

Đánh giá chung trong năm 2021, ban lãnh đạo HEC đã cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong hội nghị người lao động toàn Tổng công ty. Tuy nhiên do quy định yêu cầu về chỉ tiêu tăng trưởng của cổ đông Nhà nước (SCIC) nên ĐHCĐ năm 2021 đã đưa ra chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận khá lớn so với thực tế có thể thực hiện được. Vì vậy các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với ĐHCĐ năm 2021 đều không đạt.

Doanh nghiệp hoạt động đã đảm bảo được các yếu tố sau:

Cơ bản bảo toàn được vốn của Chủ sở hữu.

Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

Đảm bảo các quyền lợi, lợi ích của người lao động.

Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

- + Tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng công trình thủy lợi, đã áp dụng thành công ở một số công trình.
- + Hoàn thiện cơ chế quản lý kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiến độ
- + Công nhận nhiều sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, xây dựng các phần mềm nhỏ tiện ích trong hoạt động khảo sát thiết kế và đã ứng dụng trực tiếp vào sản xuất thành công.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Tình hình tài sản không có nhiều biến động so với các năm trước. Đầu tư tài chính dài hạn không thay đổi, các khoản đầu tư này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

Nhìn chung việc sử dụng tài sản của Tổng công ty là hiệu quả. Nợ phải thu xấu ảnh hưởng đến đến kết quả sản xuất kinh doanh không đáng kể. Đa phần các khoản nợ quá hạn đều từ các Ban quản lý dự án của Nhà nước do chưa phân bổ được ngân sách hoặc nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ giai đoạn 2021-2025; hoặc các khoản giữ lại bảo hành công trình theo quy định của Luật Xây dựng.

| | | |
|--------------------|---|-------------------|
| Tổng tài sản | : | 128.144.941.755 đ |
| - Tài sản ngắn hạn | : | 105.138.697.873 đ |
| - Tài sản dài hạn | : | 23.006.243.882 đ |

Phần lớn các khoản nợ phải thu từ các Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án của Bộ NN&PTNT và các Tỉnh, nguồn vốn các dự án Nhà nước đầu tư.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả giảm so với năm 2020.

| | | |
|---------------|---|------------------|
| Nợ phải trả | : | 64.736.996.488 đ |
| + Nợ ngắn hạn | : | 62.386.587.389 đ |
| + Nợ dài hạn | : | 2.350.409.099 đ |

Bao gồm các khoản mục chính :

| | | |
|----------------------------------------|---|-----------------|
| + Các chủ đầu tư tạm ứng theo hợp đồng | : | 5,990 tỷ đồng; |
| + Chi phí lao động phải trả | : | 2,474 tỷ đồng; |
| + Tiền chưa thanh toán cho B phụ | : | 14,797 tỷ đồng; |
| + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | : | 20,150 tỷ đồng; |

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh của HEC là sản xuất theo đơn đặt hàng, chủ đầu tư chủ yếu là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các Tỉnh nên trong tình hình Nhà nước điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công giữa các dự án, HEC gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu từ các Chủ đầu tư dẫn đến vẫn còn tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, không có các khoản nợ xấu. Các khoản vay đều có khả năng trả nợ. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả sản xuất kinh doanh không có do các khoản vay là tiền đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình nhân lực hiện tại.

- Tin học hóa việc điều hành sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nhân lực và kiểm soát tốt hơn toàn bộ hoạt động sản xuất của HEC. Giảm thiểu các cuộc họp giao ban có tính chất định kỳ, hình thức. Toàn bộ văn bản, công văn đến – đi đều thực hiện qua hệ thống thư điện tử @hec.com.vn, việc chỉ đạo sản xuất, nắm bắt tình hình công việc đều qua hệ thống này.

- Liên tục cập nhật và duy trì áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

Các biện pháp kiểm soát:

+ Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách, chủ nhiệm thiết kế và các phòng chức năng liên quan.

+ Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp các dự án và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến các dự án đó.

+ Các phòng chức năng (Kinh doanh, Văn phòng, Tài chính kế toán) giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, an toàn và vệ sinh lao động...).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Định hướng phát triển của HEC về lâu dài là mở rộng nhiều ngành nghề khác để đa dạng hóa nguồn thu.

Để duy trì công tác sản xuất, Tổng công ty cần tiếp tục giữ vững vị trí tại các thị trường truyền thống như khu vực Bắc, Trung bộ, củng cố và từng bước mở rộng hoạt động tại thị trường đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời phải cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý nhằm hợp lý hóa các bộ phận sản xuất, phải đảm bảo lợi ích của người lao động và lợi ích của cổ đông.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị cho khối khảo sát để tăng năng suất lao động đẩy nhanh tiến độ và có thể thực hiện được các hợp đồng kiểm định an toàn đập, hồ chứa lớn phức tạp; các công trình khoan phụt có yêu cầu cao về thiết bị. Tiếp cận các tiến bộ khoa học trong công tác xử lý nền các công trình nhằm mục đích đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực để có thể tham gia các hoạt động xây dựng trong lĩnh vực xử lý nền theo công nghệ mới.
- Trang bị các phần mềm tính toán cơ bản nhằm ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác thiết kế đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay;

- Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ kỹ sư tư vấn xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, đủ trình độ để áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm trong các dự án nông nghiệp trong và ngoài nước;
- Tiếp tục đào tạo nhân lực chất lượng cao để cung cấp chuyên gia cho các nước có trình độ thấp hơn về kỹ thuật khảo sát, thiết kế thủy lợi hoặc liên doanh để tham gia các dự án quốc tế khác;
- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của HEC đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện chính sách nhân lực trong điều kiện mới, phát triển nhân tố lao động của HEC thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho người lao động.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:" các khoản công nợ phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước chưa đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 16 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng ; 5,3 tỷ đồng và 3,4 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Giải trình của ban giám đốc:

Các khoản công nợ phải thu chưa xác nhận được đều thuộc các Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án thuộc Bộ NN&PTNT hoặc các địa phương. Tuy chưa có được xác nhận công nợ nhưng tài liệu chứng minh công nợ đều đầy đủ (Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành giữa 2 bên). Việc các Chủ đầu tư chưa thanh toán được theo số liệu đã nghiệm thu thanh toán do nguồn vốn phân bổ của Nhà nước chưa đủ nhưng khối lượng nghiệm thu hoàn thành vẫn phải lập đầy đủ theo hạng mục (theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Thuế). Các khoản tạm ứng của một số cá nhân thuộc công ty do công tác tại thực địa dài ngày nên chưa hoàn tất thủ tục ký xác nhận. Các khoản công nợ này đều có khả năng thu hồi khi Nhà nước có kế hoạch vốn phân bổ cho các dự án.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Hoạt động của Tổng công ty không vi phạm tới các chỉ tiêu môi trường

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues*

Các vấn đề liên quan đến người lao động đều được thực đúng quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể đã ký giữa đại diện tổ chức công đoàn và Người sử dụng lao động.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng địa phương tại những nơi có trụ sở và tại các công trình thực hiện công việc khảo sát thiết kế.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/
Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Trong bối cảnh cuối thời kỳ đầu tư công vốn trung hạn nên khả năng tiếp cận nguồn công việc hạn chế, cộng với việc chờ đợi SCIC thoái vốn làm cho người lao động không yên tâm sản xuất và nhất là dịch bệnh Covid – 19 kéo dài. Nhưng trong năm Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành các công việc dở dang, tranh thủ sự ủng hộ của các Chủ đầu tư tiếp cận nguồn công việc mới cho những năm sau. Tuy doanh thu mới đạt 88,15% nhưng HĐQT vẫn đánh giá cao sự cố gắng của Ban điều hành, đã giúp cho TCT bảo toàn được vốn, kinh doanh vẫn có lãi.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

- Phát huy uy tín và thương hiệu, thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh chính của HEC là tư vấn khảo sát thiết kế công trình thủy lợi thủy điện, in ấn tài liệu, xử lý nền móng, tiếp cận và làm chủ được công nghệ ngành môi trường nước và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của HEC.

- Tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường để tạo nguồn công việc lâu dài, ổn định và phát triển bền vững;

- Nghiên cứu cơ cấu lại tổ chức, tinh giảm và nâng cao về chất nguồn nhân lực nhằm đáp ứng thị trường hiện nay;

- Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ nhằm phát huy, giữ vững thương hiệu và uy tín của HEC từ đó mới nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh;

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors:

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay | Mã CĐ | Số lượng cổ phần | | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|-------------------|------------------|-------|------------------|----------|------------------|
| | | | | Cá nhân | Nhà nước | |
| 1 | Võ Văn Lung | Chủ tịch HĐQT | | 2.124 | - | 0,00048% |
| | | | | - | 862.400 | 19,60% |
| 2 | Nguyễn Ngọc Lâm | Thành viên HĐQT | | - | - | |
| | | | | | 646.800 | 14,70% |
| 3 | Nguyễn Chí Trường | Thành viên HĐQT | | | - | |
| 4 | Đỗ Ngọc Cương | Thành viên HĐQT | | 4.300 | - | 0,00098% |
| 5 | Lê Mạnh Hiệp | Thành viên HĐQT | | 4.835 | - | 0,0011% |
| | | | | | 646.800 | 14,7% |
| Tổng cộng: | | | | | | 49.00256% |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định/Resolution/Decision No. | Ngày Date | Nội dung Content |
|---------|---------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 13/2021/NQ-HĐQT | 20/4/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết quả SXKD năm 2020.- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021.- Thông qua việc gia hạn hợp ĐHĐCĐTN năm 2021 trước ngày 30/6/2021.- Ngày ĐHĐCĐ là ngày 29/6/2021.- Thông qua nội dung các Dự thảo sửa đổi Điều lệ, Quy chế theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 2 | 15/2021/ NQ-HĐQT | 20/4/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.- Thông qua nội dung hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. |
| 3 | 23/2021/ NQ-HĐQT | 14/5/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Ông Võ Văn Lung thôi giữ chức Phó TGĐ Tổng công ty từ ngày 15/5/2021 do hết thời gian giữ chức vụ theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐQT ngày 15/5/2020 của HĐQT. |
| 4 | 27/2021/ NQ-HĐQT | 31/5/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Bổ nhiệm lại ông Võ Văn Lung giữ chức Phó TGĐ Tổng công ty từ ngày 01/6/2021. |
| 5 | 45/2021/ NQ-HĐQT | 29/9/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Tạm dừng việc bổ nhiệm thêm Phó tổng giám đốc.- Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại CHDCND Lào. |
| 6 | 46/2021/ NQ-HĐQT | 29/9/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua KHKD và vay vốn tại Vietcombank. |
| 7 | 49/2021/ NQ-HĐQT | 01/11/2021 | <ul style="list-style-type: none">- Giải thể 02 Chi nhánh HEC12, HEC13.- Thành lập Trung tâm Tư vấn từ ngày 15/11/2021. |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Activities of the Board of Directors independent members. Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year: Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay | Mã CĐ | Số lượng cổ phần | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------|------------------|-------|------------------|----------|-----------|
| | | | | Cá nhân | Nhà nước | |
| 1 | BùiThịLê | Trưởng BKS | | 73 | - | 0,00002% |
| 2 | ĐoànThị Minh Phương | Thànhviên BKS | | 530 | - | 0,00012% |
| 3 | TăngThành Long | Thànhviên BKS | | 11.826 | - | 0,00269% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát *Activities of the Board of Supervisors:*

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty hiện hành, trong năm Ban kiểm soát đã tuân thủ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể các công việc:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty: Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, hợp lý, đúng thẩm quyền của việc ban hành và thực hiện các quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty sửa đổi lần 5, quy chế quản trị nội bộ và quy chế hoạt động của HĐQT ban hành sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2021.
- Kiểm tra, giám sát các công tác triển khai và tổ chức thực hiện ĐHCĐ 2021, đảm bảo đúng trình tự, quy định. Công bố ĐHCĐ thường niên đủ điều kiện tiến hành theo luật định. Đồng thời kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ.
- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế các dự án, công trình do Tổng giám đốc ký kết.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán. Trình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước ĐHCĐ thường niên năm 2021, đề xuất, kiến nghị HĐQT, Ban điều hành cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định của Tổng công ty.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc họp của HĐQT
- Các cuộc họp thường niên trong năm: 03 cuộc họp với 100% thành viên ban kiểm soát dự họp(3/3) và biểu quyết thông qua các nội dung.
- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết. Ban kiểm soát luôn chủ động phối hợp HĐQT, Tổng giám đốc khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Mọi hoạt động của Ban kiểm soát không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ngoài các hoạt động thường niên trên, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu, kiến nghị nào khác của bất cứ cổ đông nào theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits;*

Thù lao của Hội đồng quản trị và ban điều hành

| TT | Họ và tên | Thù lao HĐQT | Tiền lương Ban ĐH | Tổng cộng |
|----|-------------------|--------------|-------------------|---------------|
| 1 | Võ Văn Lung | 108.000.000 | 241.680.000 | 349.680.000 |
| 2 | Nguyễn Ngọc Lâm | 64.800.000 | 315.880.000 | 380.680.000 |
| 3 | Lê Mạnh Hiệp | 64.800.000 | | 64.800.000 |
| 4 | Đỗ Ngọc Cương | 64.800.000 | | 64.800.000 |
| 5 | Nguyễn Chí Trường | 64.800.000 | | 64.800.000 |
| 6 | Phan Kim Yến | | 238.500.000 | 238.500.000 |
| | Tổng cộng | 652.391.000 | 796.060.000 | 1.448.451.000 |

Thù lao của Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay | Thù lao VNĐ | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|-------------|---------|
| 1 | Bùi Thị Lê | Trưởng BKS | 162.000.000 | |
| 2 | Đoàn Thị Minh Phương | Thành viên BKS | 28.800.000 | |
| 3 | Tăng Thành Long | Thành viên BKS | 28.800.000 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders:

| TT | Họ và tên | Chức danh | SỐ CPTẠI 15.12.2021 | SỐ CPTẠI 30.11.2020 | SỐ CP BIẾN ĐỘNG |
|----|----------------------|-----------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Ngọc Lâm | TGD | 0 | 92,000 | -92,000 |
| 2 | Võ Văn Lung | CTHĐQT | 2.124 | 13,824 | -11,700 |
| 3 | Lê Mạnh Hiệp | UVHĐQT | 4,835 | 4,835 | 0 |
| 4 | Nguyễn Chí Trường | UVHĐQT | 0 | 6,400 | -6,400 |
| 5 | Đỗ Ngọc Cương | UVHĐQT | 4,300 | 4,300 | 0 |
| 6 | BÙI THỊ LÊ | TBKS | 73 | 73 | 0 |
| 7 | Đoàn Thị Minh Phương | TV BKS | 530 | 30 | -500 |
| 8 | Tăng Thành Long | TV BKS | 11,826 | 11,826 | 0 |
| 9 | Trần Thị Phương Hảo | TK HĐQT | 0 | 2,300 | -2,300 |
| 10 | Phan Kim Yến | KTT | 4,700 | 20,700 | -16,000 |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: Thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

a. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ công nợ phải thu khách hàng, tạm ứng và phải trả người bán ngắn hạn với số tiền lần lượt là 19,5 tỷ đồng; 1,8 tỷ đồng và 8,2 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 16 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng; 5,3 tỷ đồng và 3,4 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định nhưng vẫn không thể thu thập được đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công ty tại thời điểm 31/12/2021. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng công ty.

b. Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

c. Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Tổng Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 – Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2021, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền 9,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow*

statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: thư ký HĐQT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Lâm

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCF

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------|------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 105.138.697.873 | 114.629.617.260 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 13.213.057.538 | 15.329.728.812 |
| 111 | 1. Tiền | | 11.413.057.538 | 14.229.728.812 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.800.000.000 | 1.100.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 1.263.600.000 | 1.200.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 1.263.600.000 | 1.200.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 61.428.563.990 | 76.995.050.515 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 43.138.481.855 | 51.120.003.135 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 4.896.736.007 | 5.310.128.538 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 13.393.346.128 | 20.564.918.842 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 28.865.681.238 | 20.313.617.018 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 28.865.681.238 | 20.313.617.018 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 367.795.107 | 791.220.915 |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | | - | 697.828.081 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 367.795.107 | 93.392.834 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 23.006.243.882 | 24.323.903.339 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 14.217.985.960 | 15.380.763.173 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 14.217.985.960 | 15.380.763.173 |
| 222 | - Nguyên giá | | 42.764.228.474 | 43.285.865.516 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (28.546.242.514) | (27.905.102.343) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.094.660.000 | 1.094.660.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.094.660.000) | (1.094.660.000) |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 7.603.999.306 | 7.603.999.306 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 4.186.000.000 | 4.186.000.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 2.050.000.000 | 2.050.000.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.367.999.306 | 1.367.999.306 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 1.184.258.616 | 1.339.140.860 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 11 | 370.217.337 | 525.099.581 |
| 263 | 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | 814.041.279 | 814.041.279 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 128.144.941.755 | 138.953.520.599 |

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTC

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

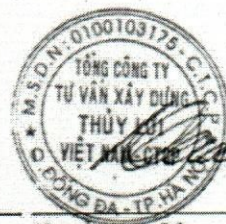
| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 64.736.996.488 | 75.493.338.296 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 62.386.587.389 | 72.664.020.082 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 14.797.042.737 | 17.959.603.568 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 12 | 5.990.994.315 | 3.431.990.300 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 2.437.003.906 | 3.154.759.769 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 2.474.417.063 | 10.792.081.662 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 3.062.912.909 | 3.119.747.467 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 12.226.121.975 | 7.910.424.897 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 18 | 20.150.719.089 | 23.878.814.561 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 1.247.375.395 | 2.416.597.858 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 2.350.409.099 | 2.829.318.214 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 16 | 2.089.909.099 | 2.580.818.214 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 17 | 260.500.000 | 248.500.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 63.407.945.267 | 63.460.182.303 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19 | 63.407.945.267 | 63.460.182.303 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 44.000.000.000 | 44.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 44.000.000.000 | 44.000.000.000 |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 15.490.543.089 | 15.049.472.089 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 3.917.402.178 | 4.410.710.214 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 22.729.927 | - |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | 3.894.672.251 | 4.410.710.214 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 128.144.941.755 | 138.953.520.599 |

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

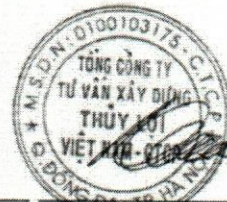
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21 | 71.792.091.756 | 96.198.312.653 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 71.792.091.756 | 96.198.312.653 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 22 | 60.214.027.484 | 80.298.943.844 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 11.578.064.272 | 15.899.368.809 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 1.028.736.533 | 1.362.722.971 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | 1.025.527.646 | 1.759.916.018 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 973.207.407 | 1.736.603.835 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 10.558.211.560 | 13.705.437.626 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.023.061.599 | 1.796.738.136 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 26 | 4.659.612.788 | 3.523.953.515 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 27 | 1.229.247.979 | 309.472.119 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 3.430.364.809 | 3.214.481.396 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 4.453.426.408 | 5.011.219.532 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 28 | 558.754.157 | 600.509.318 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>3.894.672.251</u> | <u>4.410.710.214</u> |

Trần Văn Tuấn

Phan Kim Yến



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPC

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------|------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 161.707.022.547 | 172.615.936.858 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 20.585.564.805 | 25.827.462.307 |
| 111 | 1. Tiền | | 18.285.564.805 | 24.727.462.307 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 2.300.000.000 | 1.100.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 1.263.600.000 | 2.200.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 1.263.600.000 | 2.200.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 102.868.386.369 | 116.783.537.781 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 61.119.046.008 | 66.625.874.869 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 8.617.554.007 | 4.660.673.538 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 33.131.786.354 | 45.496.989.374 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 36.590.720.328 | 27.013.715.855 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 36.590.720.328 | 27.013.715.855 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 398.751.045 | 791.220.915 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 11 | 4.750.000 | - |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | 697.828.081 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 394.001.045 | 93.392.834 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 23.177.565.658 | 23.197.504.358 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 16.776.897.487 | 16.631.641.847 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 16.776.897.487 | 16.631.641.847 |
| 222 | - Nguyên giá | | 52.161.873.189 | 52.080.875.069 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (35.384.975.702) | (35.449.233.222) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.094.660.000 | 1.094.660.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.094.660.000) | (1.094.660.000) |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 5.115.458.890 | 5.163.352.531 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 3.747.459.584 | 3.795.353.225 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.367.999.306 | 1.367.999.306 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 1.285.209.281 | 1.402.509.980 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 11 | 471.168.002 | 588.468.701 |
| 263 | 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | 814.041.279 | 814.041.279 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 184.884.588.205 | 195.813.441.216 |

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

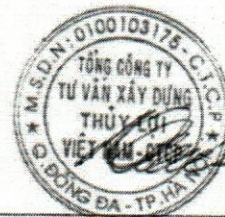
| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 106.558.123.905 | 118.404.093.264 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 104.207.714.806 | 115.574.775.050 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 16.870.159.561 | 22.379.604.806 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 12 | 16.947.382.945 | 9.404.659.610 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 4.352.374.118 | 5.554.454.665 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 8.533.862.168 | 15.702.781.828 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 19.317.831.516 | 23.245.136.558 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 13.812.684.180 | 9.298.901.945 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 18 | 21.802.369.089 | 25.784.814.561 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 2.571.051.229 | 4.204.421.077 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 2.350.409.099 | 2.829.318.214 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 16 | 2.089.909.099 | 2.580.818.214 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 17 | 260.500.000 | 248.500.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 78.326.464.300 | 77.409.347.952 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19 | 78.326.464.300 | 77.409.347.952 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 44.000.000.000 | 44.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 44.000.000.000 | 44.000.000.000 |
| 414 | 2. Vốn khác của chủ sở hữu | | 356.849.738 | 356.849.738 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 18.744.562.342 | 18.472.267.627 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 7.296.662.797 | 7.061.340.234 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | | 2.641.576.233 | 2.606.578.176 |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | 4.655.086.564 | 4.454.762.058 |
| 429 | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 7.928.389.423 | 7.518.890.353 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 184.884.588.205 | 195.813.441.216 |

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

